TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST Ngày 13-8-2019 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Anh Toàn;

2. Ông Bồ Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 1, ấp D, xã L, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã A, huyện U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thị Kim D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Quyết T tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 03 (ba) năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Tự nguyện về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/12/2015. Sau

khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng tại xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi chị D sinh con vào năm 2016 thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, anh T nghiện ma túy. Gia đình đã tạo điều kiện cho anh T đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh T vẫn tái nghiện. Vào năm 2016, anh T bị đưa đi cai nghiện bắt buộc thời 02 năm tại Trung tâm giáo dục tạo việc làm tỉnh Bình Dương. Trong thời gian anh T đi cai nghiện chị D vẫn thăm hàng tuần để tạo động lực cho anh T thay đổi, chấm dứt với ma túy nhưng anh T không thực hiện được. Sau khi đi cai nghiện về địa phương anh T vẫn tụ tập bạn bè ăn chơi, không chăm lo cho vợ con. Chị D đã dọn về gia đình mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2016 đến nay, một mình chăm sóc con. Chị D hiện làm nghề tóc, chăm sóc sắc đẹp cho phụ nữ thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng. Anh T làm nghề lái xe cho gia đình bên chồng mỗi tháng thu nhập khoảng 8.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Kim D xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Quyết T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2016. Hiện con chung đang ở với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Nguyễn Quyết T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Quyết T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án :

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án huyện Bắc Tân Uyên đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Nguyễn Quyết T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim D nhưng anh Nguyễn Quyết T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/7/2019 nhưng anh Nguyễn Quyết T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Quyết T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu

thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T, anh Thắng cư trú tại tổ 4, ấp 1, xã A, huyện U, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quyết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Quyết T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện U (nay là huyện U), tỉnh Bình Dương vào ngày 09/12/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2015, Quyển số 01/2015 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Kim D xác định quá trình chung sống với anh Nguyễn Quyết T chị không được hạnh phúc. Anh T không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, không chí thú làm ăn mà sa vào tệ nạn ma túy. Cuộc sống gia đình do một mình chị phải quán xuyến. Chị D đã khuyên can, cho anh T cơ hội thay đổi để về với gia đình nhưng anh T không thay đổi. Chị D và con đã dọn về nhà mẹ ruột từ cuối năm 2016 đến nay nhưng anh T không đến thăm nom, không hỏi thăm đến chị và cháu. Nay chị D xác định tình cảm dành cho anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ mà cho chị được ly hôn; bản thân anh T không lên Tòa án để làm việc, không tham gia vào các buổi hòa giải tại Tòa án. Chị D đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ ở từ cuối năm 2016 đến nay nhưng anh T không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Điều này chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn tình cảm gia đình, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 25/6/2019 của Tòa án tại địa phương thì chính quyền địa phương nơi chị D và anh T sinh sống xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh T nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập chị D. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2016. Hiện con chung đang ở với chị D. Sau

khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét cháu Nguyễn Trung K hiện đang ở với chị D, anh T nghiện ma túy nên việc giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt, lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị D yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Nguyễn Quyết T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2015 quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 09/12/2015).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quyết T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Quyết T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực

hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Quyết T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Kim D nuôi con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Quyết T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0030548 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Quyết T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- UBND xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết